



KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

TIẾNG VIỆT 5

Luyện từ và câu

LUYỆN TẬP SỬ DỤNG TỪ ĐIỂN

Trang 100



KHỞI ĐỘNG



KHÁM PHÁ



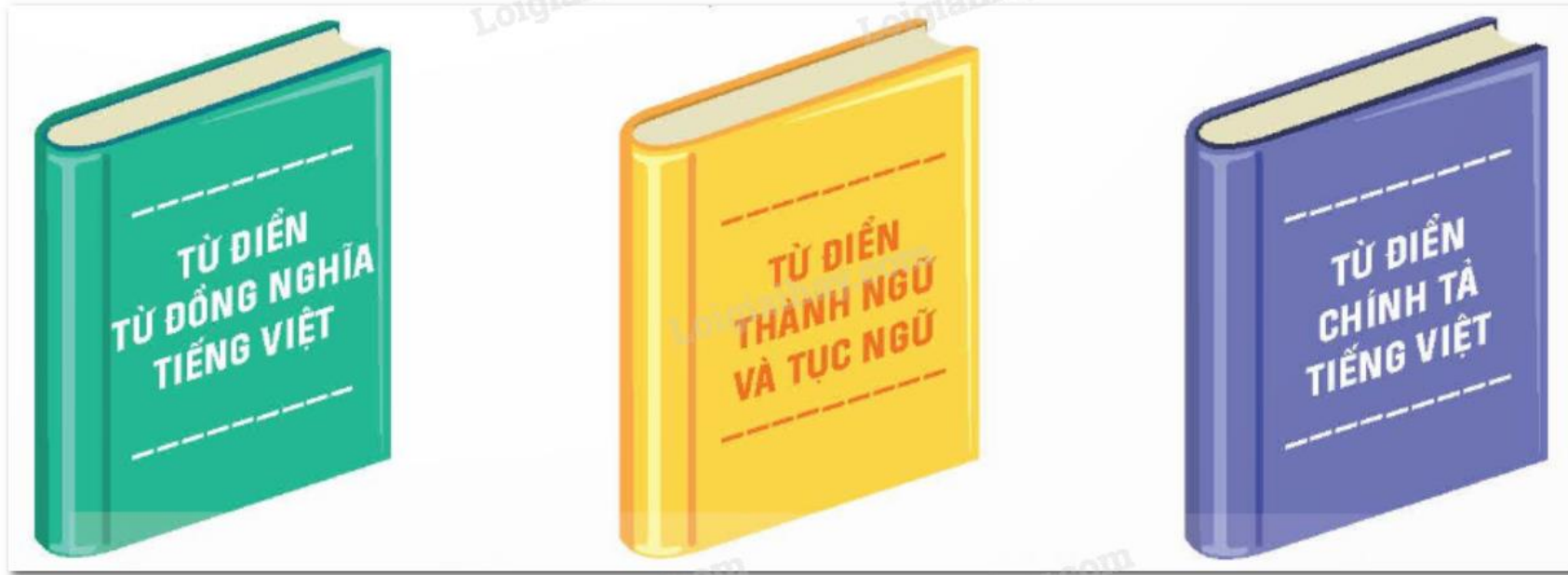
1 Sử dụng từ điển tiếng Việt để tra cứu nghĩa của các từ *chăm chỉ* và *kiên trì*.

Chăm chỉ (tt): chăm (nói khái quát). học hành chăm chỉ.

Kiên trì (tt): không thay đổi ý định, ý chí để làm việc gì đó đến cùng, mặc dù gặp khó khăn, trở lực. thử thách lòng kiên trì.



2 Đọc tên các cuốn từ điển dưới đây và trả lời câu hỏi.



- Từ điển nào giúp em tìm được những từ đồng nghĩa với từ *chăm chỉ, kiên trì*?
- Em sử dụng từ điển nào để tìm hiểu nghĩa của thành ngữ *học một biết mười* hoặc thành ngữ *mắt thấy tai nghe*?

a. Từ điển nào giúp em tìm được những từ đồng nghĩa với từ *chăm chỉ, kiên trì*?

Từ điển từ đồng nghĩa Tiếng Việt giúp em tìm được những từ đồng nghĩa với từ *chăm chỉ, kiên trì*.



b. Em sử dụng từ điển nào để tìm hiểu nghĩa của thành ngữ *học một biết mười* hoặc thành ngữ *mắt thấy tai nghe*?

Em sử dụng từ điển thành ngữ và tục ngữ để tìm hiểu nghĩa của thành ngữ *học một biết mười* hoặc thành ngữ *mắt thấy tai nghe*.



LUYỆN TẬP



3 Tìm nghĩa của thành ngữ *mắt thấy tai nghe* dựa vào mẫu dưới đây:

M: Tìm nghĩa của thành ngữ học một biết mười.

- Bước 1: Chọn từ điển thành ngữ.
- Bước 2: Tìm mục từ bắt đầu bằng chữ H.
- Bước 3: Tìm thành ngữ học một biết mười.
 - Tìm tiếng học.
 - Tìm thành ngữ học một biết mười.
- Bước 4: Đọc nghĩa của thành ngữ học một biết mười.

Lưu ý: Đọc bảng chữ viết tắt để biết quy ước chữ viết tắt trong từ điển (Vd: ví dụ, *Gngh*: gần nghĩa,...).



Tìm nghĩa của thành ngữ *mắt thấy tai nghe* dựa vào mẫu dưới đây:

M: Tìm nghĩa của thành ngữ học một biết mười.

Học một biết mười: thông minh (sáng dạ), từ điều học được, suy rộng ra biết nhiều hơn.

VD: Ngay từ nhỏ, Lê Quý Đôn đã lanh lợi, học một biết mười.

Gngh: Học đâu hiểu đó.

Mắt thấy tai nghe: trực tiếp nhìn thấy, nghe thấy (hàm ý hoàn toàn chính xác).

Ví dụ: Chuyện mắt thấy tai nghe hẩn hoi.



VẬN DỤNG



4 Nêu tên một số từ điển mà em biết.

Một số từ điển mà em biết:

- Từ điển Tiếng Việt.
- Từ điển Việt – Anh
- Từ điển từ đồng nghĩa Tiếng Việt.
- Từ điển thành ngữ và tục ngữ.

